

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17-3-2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thúy Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hải
- Bà Trần Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Quốc Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Trần Hạnh N, sinh năm 1987; HKTT: Tổ A, ấp C, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay: Tổ F, ấp B, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: anh Thái Văn A, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Chị N, anh A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/11/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Hạnh N trình bày:

Về hôn nhân: vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2005, đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân A, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh A ghen tuông vô cớ, vợ chồng ly thân với nhau từ tháng 10 năm 2023 cho đến nay. Chị yêu cầu ly hôn với anh A.

Về con chung: có 01 con chung tên Thái Trần Đăng K, sinh ngày 29/3/2005. Con chung đã đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết. Chị xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Thái Văn Á trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị N sống với nhau là từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân A, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống mâu thuẫn từ năm 2023 vì không có tiếng nói chung, không quan tâm nhau. Do vợ chồng không hàn gắn được nên anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: có 01 con chung tên Thái Trần Đăng K, sinh ngày 29/3/2005. Con chung đã đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết. Anh xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Hạnh N đối với anh Thái Văn A. Chị N được ly hôn với anh A. Về con chung: có 01 con chung, đã thành niên tự lao động sinh sống, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: chị N và anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: chị Trần Hạnh N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị.

[2] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: chị Trần Hạnh N và anh Thái Văn A tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh vào năm 2005 nên căn cứ Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

[2.2] Về xác định mâu thuẫn: chị N trình bày mâu thuẫn vợ chồng là do anh A ghen tuông vô cớ, không có tiếng nói chung, dẫn đến ly thân với nhau từ năm tháng 10 năm 2023 cho đến nay. Quá trình Tòa án làm việc anh A thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn như chị N trình bày và cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, xác định anh chị chung sống nhưng không còn sự tin tưởng, không quan tâm yêu thương nhau, mâu thuẫn đã dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[2.3] Về con chung: có 01 con chung tên Thái Trần Đăng K, sinh ngày 29/3/2005. Con chung đã đủ 18 tuổi nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng.

[2.4] Về tài sản chung: không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Anh chị xác định vợ chồng không nợ ai.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Chị Trần Hạnh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012417 ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Chị N đã nộp đủ tiền án phí. Anh Thái Văn A không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của chị Trần Hạnh N đối với anh Thái Văn A.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trần Hạnh N và anh Thái Văn A.

Về con chung: có 01 con chung tên Thái Trần Đăng K, sinh ngày 29/3/2005. Con chung đã đủ 18 tuổi nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án không giải quyết. Anh chị xác định vợ chồng không nợ chung nên không yêu cầu Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí:

Chị Trần Hạnh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012417 ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Chị N đã nộp đủ tiền án phí. Anh Thái Văn A không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã **An Thạnh**;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thúy Liễu